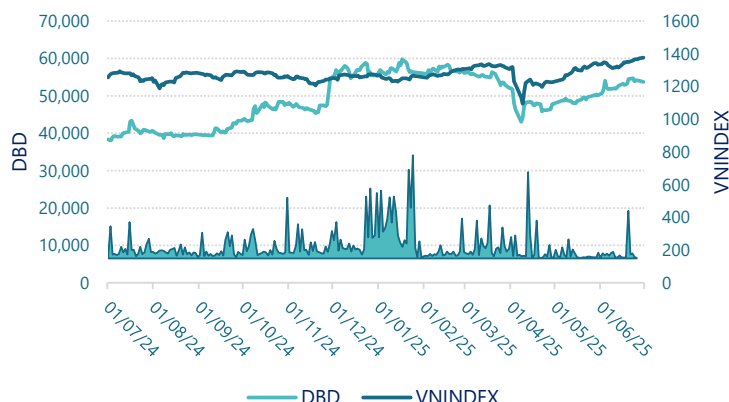


CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	53,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,786
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,089
SL cổ phiếu LH	93,553,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	331,495
% sở hữu nước ngoài	15.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,024
P/E	16.4
EPS	3,281

DT thuần

Q2/25

475

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.0 | 7.6%

YoY: ▲ 42.0 | 9.6%

LN sau thuế

Q2/25

90.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.30 | 11.5%

YoY: ▲ 17.9 | 24.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

22.7%

+/- YoY: ▲ 2.4%

DT thuần

6T 2025

916

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 99.0 | 12.1%

LN sau thuế

6T 2025

171

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.0 | 22.8%

ROE

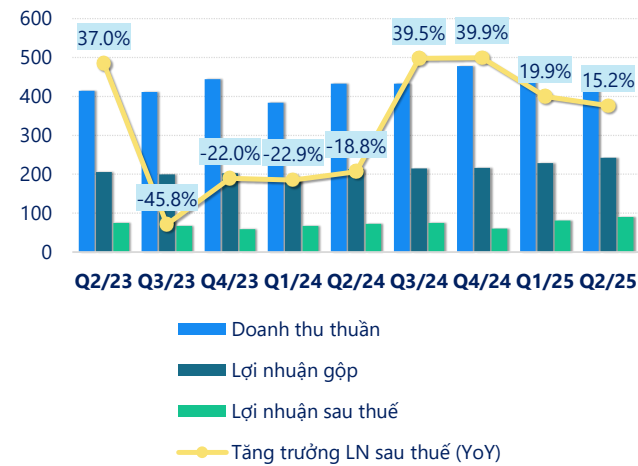
Q2/25

19.2%

+/- YoY: ▲ 0.8%

tỷ VNĐ

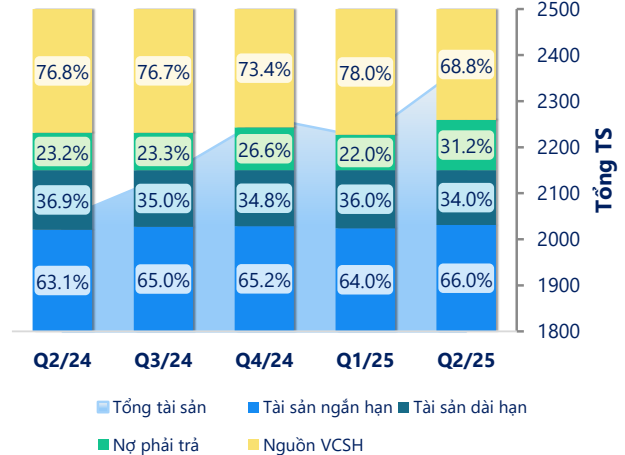
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

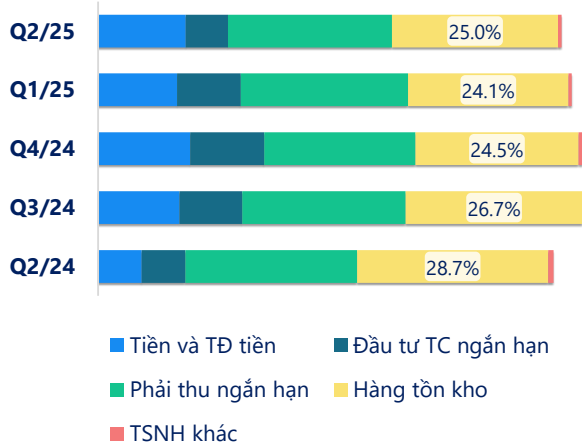
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



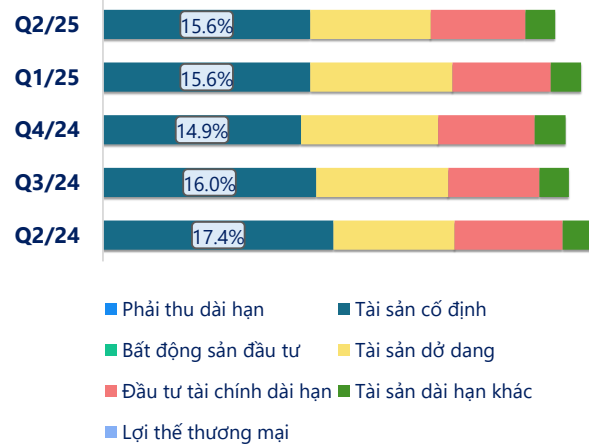
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

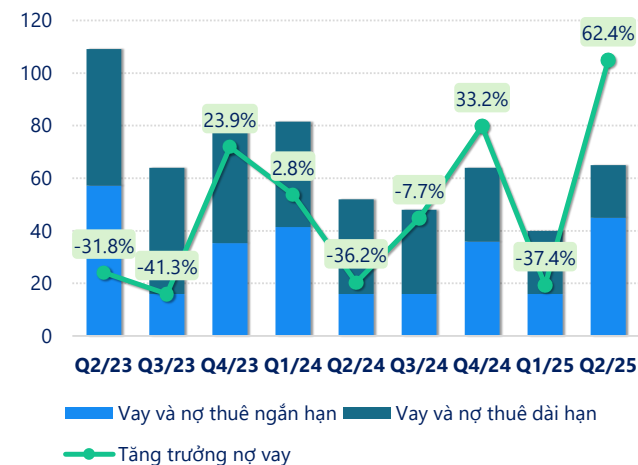
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

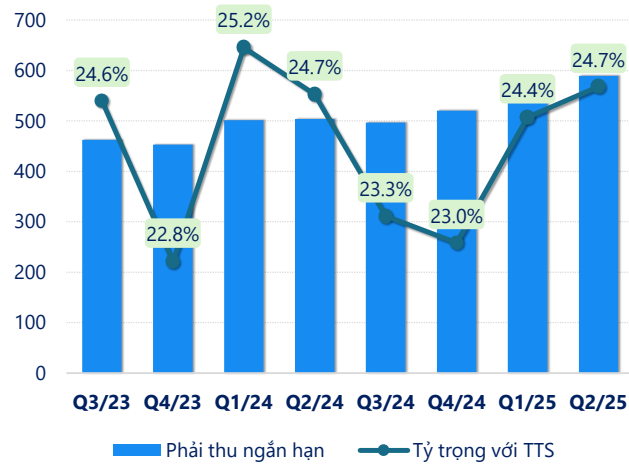
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



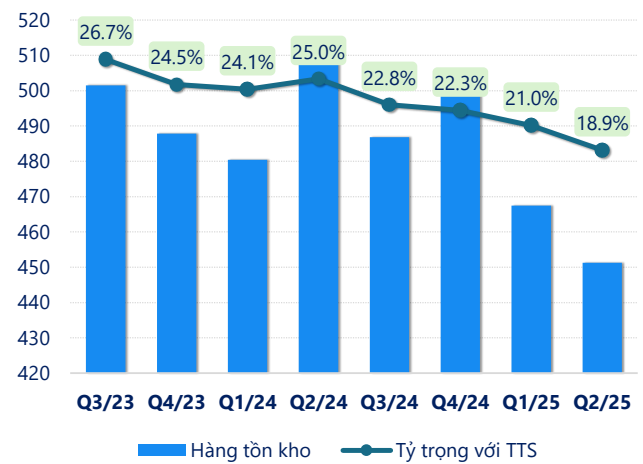
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


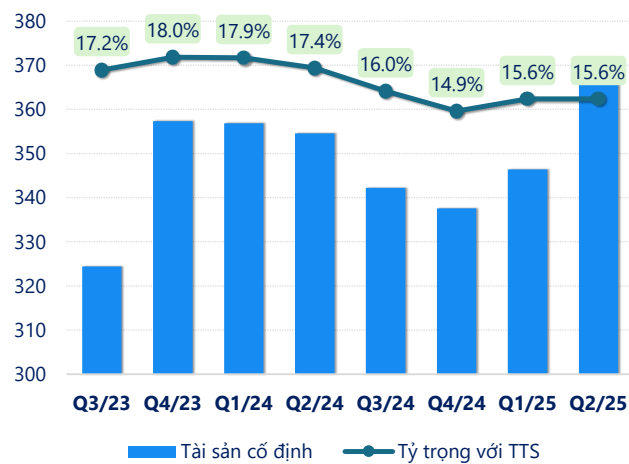
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


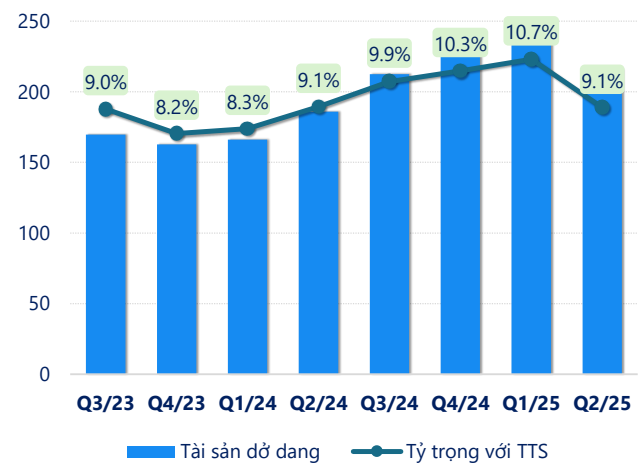
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

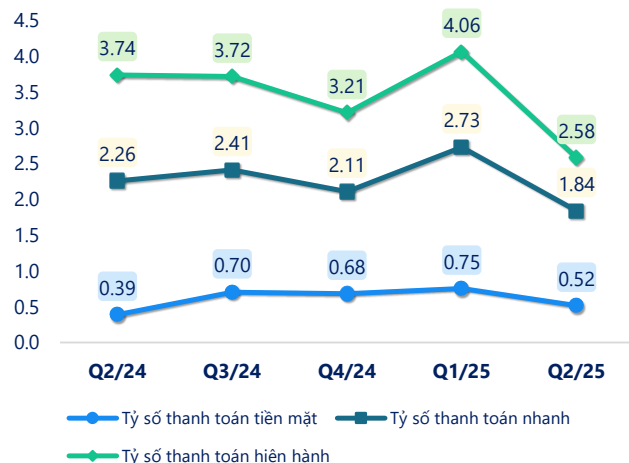
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

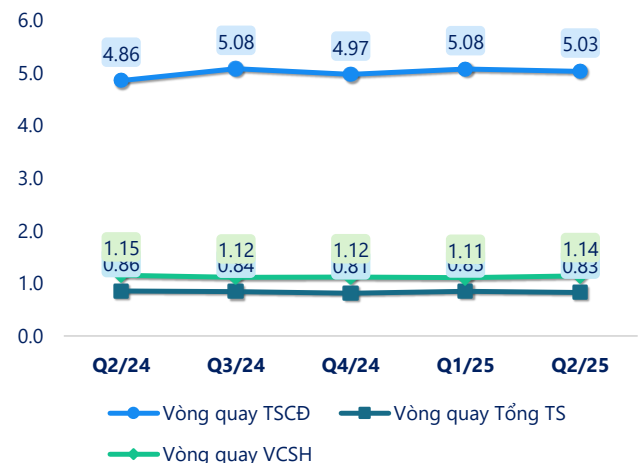
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,044	2,135	2,264	2,221	2,382
Tài sản ngắn hạn	1,290	1,387	1,476	1,422	1,571
Tiền và tương đương tiền	134	262	314	264	314
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130	130	124	138	200
Phải thu ngắn hạn	504	497	520	542	589
Hàng tồn kho	511	487	505	467	451
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	11.0	12.1	10.7	16.9
Tài sản dài hạn	753	748	788	799	810
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	355	342	338	346	372
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	186	212	233	238	216
Đầu tư tài chính dài hạn	166	146	164	164	170
Tài sản dài hạn khác	46.6	47.0	52.7	50.9	53.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	474	498	603	488	743
Nợ ngắn hạn	345	373	460	350	609
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.0	16.0	35.9	16.0	44.9
Phải trả người bán ngắn hạn	114	93.2	161	94.8	95.7
Nợ dài hạn	129	125	143	138	134
Vay và nợ thuê dài hạn	36.0	32.0	28.0	24.0	20.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,569	1,637	1,661	1,733	1,639
Vốn chủ sở hữu	1,564	1,632	1,659	1,731	1,637
Vốn điều lệ	749	936	936	936	936
Kinh phí và quỹ khác	4.96	4.66	2.41	1.93	2.07

(Nguồn: fireant.vn)